GLOBAL ENGLISH 2
Unit 4: The big sky – Grammar 1

A. Grammar
❖ **Past simple regular** *(Thì quá khứ đơn – với động từ có quy tắc)*

Câu hỏi & Câu trả lời	Ví dụ
What + did + S + do + (yesterday)? ➢ S + V-ed + ...	**What did you do yesterday?** *(Cậu đã làm gì vào hôm qua?)* ➢ **I watched TV yesterday.** *(Tớ đã xem TV vào hôm qua.)*
Who + did + S + V + …? ➢ S + V-ed + …	**Who did he play games with?** *(Anh ấy đã chơi trò chơi với ai?)* ➢ **He played games with his sister.** *(Anh ấy đã chơi trò chơi với chị của anh ấy.)*
Where did + S + V + …? ➢ S + V-ed + …	**Where did she walk to?** *(Cô ấy đã đi bộ đến đâu?)* ➢ **She walked to school.** *(Cô ấy đã đi bộ đến trường.)*

V: Động từ nguyên mẫu; **V-ed:** Động từ chia thì quá khứ đơn

Một số động từ chia thì quá khứ đơn: walk => walked, turn => turned, play => played, stop => stopped, travel => travelled, wash => washed, bake => baked, work => worked

Dấu hiệu nhận biết câu ở thì quá khứ: yesterday, last night / week / month, year, …

❖ **Prepositions of time: in, on, at (Giới từ chỉ thời gian: in, on, at)**

Giới từ chỉ thời gian	Cách dùng	Ví dụ
in	thường được dùng với tháng, năm…	**in** May, **in** 2023, … *(lưu ý: in the morning, in the afternoon, in the evening,…)*
on	dùng với thứ, ngày, tháng…	**on** Monday, **on** January 1st, … *(lưu ý: on Friday afternoon, on Sunday morning,…)*
at	dùng với thời gian cụ thể	**at** 7 o'clock, **at** midday, … *(lưu ý: at night,…)*

B. Homework

I. Write the verbs in past simple. There is one example

*0. All students in the class <u>clapped</u> (**clap**) for their teacher.*

1. Joana _____ (**work**) at an office building last year.

2. My brothers _____ (**play**) tennis yesterday.

3. David _____ (**wash**) his hair yesterday.

4. My mother _____ (**bake**) a cheesecake for me.

5. His father _____ (**watch**) TV last night.

II. Circle the correct answer. There is one example.

*0. She goes to the cinema (in)/ **on** the afternoon.*

1. I often have breakfast **at / on** 7 o'clock.

2. **In / At** June, we don't go to school.

3. My family goes to the beach **on / in** the evening.

4. Her grandmother got married *(cưới)* **in / at** 1979.

5. They have lunch **on / at** midday.

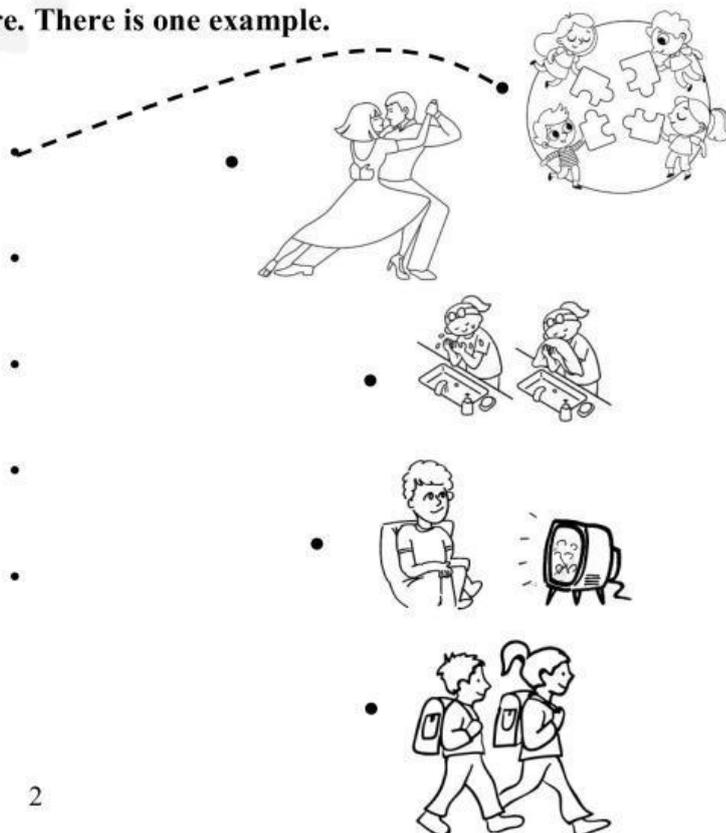**III. Match the word with the correct picture. There is one example.**

0. She played puzzle with her friends. •
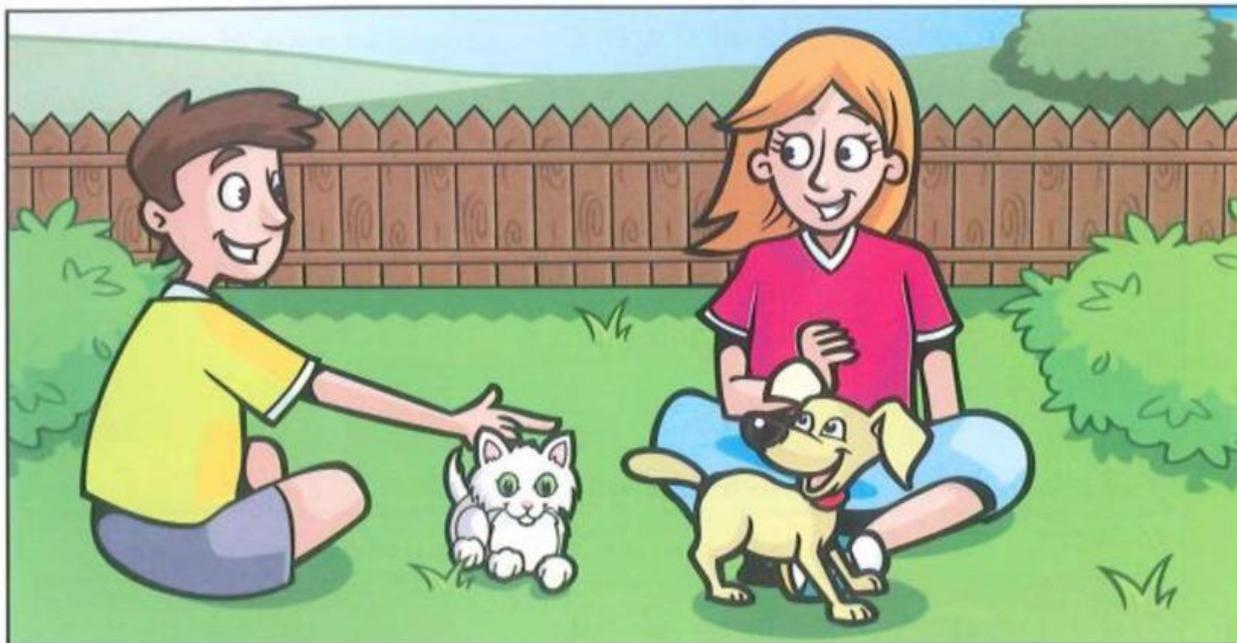
1. We walked to school last week. •

2. He watched TV at 10 o'clock. •

3. She danced with him last night. •

4. Jane washed her face yesterday. •

2

Read the text and choose the best answer.

Fred and Vicky are talking about their pets.

Example

Fred:	Our new kitten is so funny!
Vicky:	A Do they laugh?
	(B) Is it?
	C Are those new?

Questions

1	**Vicky:**	Why is your kitten funny?
	Fred:	A You all smiled.
		B It loves hiding.
		C I can't tell them.

2 Vicky: Does your kitten like playing games?

    Fred: A   Yes, that's right.
                                         B   No, I can't today.
                                         C   OK, let's do that.

3 Vicky: What's your kitten's favourite toy?

    Fred: A   By that red blanket.
                                           B   It's another one.
                                         C   A big, round ball.

4 Fred: How old is your puppy now, Vicky?

    Vicky: A   It's the biggest one.
                                           B   Twelve weeks.
                                         C   It's great, thanks.

5 Fred: Does your puppy sleep outside?

    Vicky: A   Yes, we can do that.
                                           B   Its bed is very small.
                                         C   No, it's too young.

6 Fred: I'd like to have another pet.

    Vicky: A   Me too!
                                           B   How often?
                                         C   Well done!

I. Fill in the blank using words from the box. There is one example.

~~write~~	tap	shake	can	can't	likes

0. I <u>write</u> letters on the board.

1. We _____ hands to say hello.

2. Max _____ come to the party. He is sick.

3. She _____ eating strawberries.

4. You have to _____ on the screen *(màn hình)* to play the game.

5. They _____ speak English very well.

II. Match words with the correct pictures. There is one example.

0. hop•

1. fall•

2. all•

3. most•

4. some•

5. soup •